

Để nâng cao năng suất tôm hùm nuôi thương phẩm

Các chế độ chăm sóc, quản lý, thiết kế lồng nuôi và chọn mật độ thả thích hợp là những yếu tố quan trọng ảnh hưởng lớn đến vụ nuôi. Sau đây là một số lưu ý nhằm giúp tăng năng suất trong nuôi tôm hùm thương phẩm...

1. Lồng nuôi:

Để tận dụng tối đa diện tích thì lồng nên có dạng hình khối hộp vuông, vì hình vuông có diện tích lớn nhất, đồng thời lưu thông nước ở từng vị trí đặt lồng nuôi không theo hướng dẫn nhất định. Tùy theo quy mô nuôi, điều kiện chăm sóc quản lý và nguyên vật liệu làm lồng mà sử dụng kích thước lồng khác nhau. Tuy nhiên, lồng càng lớn khả năng lưu thông nước bên trong và ngoài lồng càng giảm, đồng thời năng suất tôm hùm nuôi lồng tỉ lệ nghịch với độ lớn của lồng. Người nuôi nên dùng loại lồng 16 - 20 m² là phù hợp với quy mô hộ gia đình và năng suất tôm hùm nuôi.

2. Vị trí đặt lồng:

Nên đặt lồng nuôi ra vùng xa bờ để trao đổi nước tốt hơn. Độ sâu mức nước nơi đặt lồng tối thiểu khi triều thấp là 4m (đối với nuôi lồng găm), từ 4 – 8m (đối với nuôi lồng sắt) và hơn 8m (đối với lồng nổi). Đáy lồng cách đáy biển hơn 0,5m là tốt nhất. Nơi đặt lồng nuôi phải đảm bảo cách bờ hơn 1.000m. Nền đáy là cát hoặc cát pha bùn có lẫn san hô gạc nai và không bị ô nhiễm. Môi trường nước vùng nuôi tôm hùm phải đảm bảo các chỉ tiêu: nhiệt độ từ 24 - 31 độ C; pH: 7,5 – 8,5; độ muối từ 30 – 35 phần ngàn; ôxy hòa tan: 6,2 – 7,2 mg/l.

3. Mật độ thả:

Mật độ ương nuôi tôm hùm tùy thuộc vào kích cỡ của tôm giống. Cỡ giống tôm trắng: 30 - 40 con/m² lồng; Cỡ giống 1,5 - 4,0 g/con thả 25 - 30 con/m² lồng; Cỡ giống 4 - 10 g/con thả 15 - 20 con/m² lồng; Cỡ giống 10 - 50 g/con thả 10 - 15 con/m² lồng; Cỡ giống 50 - 200 g/con thả 7 - 10 con/m² lồng; Cỡ giống hơn 200 g/con trở lên thả 3 – 5 con/m² lồng.

4. Khoảng cách giữa các lồng nuôi:

Khoảng cách giữa các lồng nuôi cần bố trí phù hợp để đảm bảo sự lưu thông nước tốt. Đối với các vùng nuôi nhiều nên duy trì 30 – 60 lồng/ha mặt nước.

5. Thức ăn:

Thức ăn chủ yếu là thức ăn tươi sống bao gồm các loại động vật giáp xác (tôm, cua, ghẹ...), động vật thân mềm (sò lông, sò đá, ốc bươu vàng...), các loài cá tạp (cá sơn, cá liệt, cá mối, cá chuồn...). Trong đó, thức ăn là giáp xác đóng vai trò quyết định trong thành phần dinh dưỡng của tôm hùm nuôi vì loại thức ăn này có hàm lượng axit béo không no phức hợp và axit béo không no cao phân tử (chiếm 6,1%) cao vượt trội hơn so với thức ăn là cá và thân mềm.

Tuy nhiên, nếu kết hợp ba loại thức ăn tươi là cá, giáp xác và thân mềm theo một tỉ lệ nhất định ở từng thời kỳ phát triển của tôm nuôi là một giải pháp tối ưu về giá trị dinh dưỡng và hiệu quả kinh tế trong tôm hùm nuôi lồng. Công thức cho ăn: 1 phần giáp xác + 1 phần thân mềm + 2 phần cá, tôm sẽ có tốc độ sinh trưởng nhanh, hệ số thức ăn thấp. Đây là thức ăn kết hợp có hiệu quả cao nhất và tiết kiệm được chi phí thức ăn so với việc sử dụng các loại thức ăn khác.

6. Quản lý và chăm sóc:

Đối với tôm cỡ ≥ 200 g/con, cho ăn 2 lần/ngày vào sáng sớm và chiều tối, lượng cho ăn vào chiều tối chiếm 70% lượng thức ăn trong ngày. Thức ăn cho tôm có thể để nguyên con hoặc cắt nhỏ. Tùy loại thức ăn mà xác định lượng cho ăn hợp lý, khẩu phần ăn hàng ngày bằng khoảng 15 - 17% khối lượng tôm thả.

Hàng ngày nên kiểm tra, theo dõi tình trạng sức khỏe, hoạt động của tôm và mức độ sử dụng thức ăn để có điều chỉnh hợp lý. Loại bỏ thức ăn thừa, vỏ lột xác; định kỳ vệ sinh lồng nuôi tránh bị rong rêu bám làm bít lỗ lưới. Đối với các lồng nuôi tôm hùm con, do có mắt lưới nhỏ nên thường bị sun, hà bám vì vậy cần vệ sinh định kỳ để tạo sự lưu thông nước tốt, hạn chế ô nhiễm.

Khi tôm đạt cỡ 500 - 600 g/con nên san thưa tôm với mật độ 4 - 5 con/m² lồng. Sau 20 - 24 tháng nuôi có thể thu hoạch tôm hùm thương phẩm.

Trong quá trình nuôi nếu thấy chất đáy có màu nâu và sinh vật đáy chủ yếu là nhuyễn thể thì đó là dấu hiệu tốt. Nếu chất đáy có màu đen đậm, mùi khó chịu và sinh vật đáy chủ yếu là giun nhiều tơ thì đó là những dấu hiệu không tốt, không nên tiến hành vụ nuôi.

Nguồn: vietlinh.com.vn